

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 245/2023/DS - PT

Ngày 03 – 8 – 2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr và bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2023/TLPT- DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS - ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 170/2023/QĐ - PT ngày ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH chế biến dăm gỗ Đ; địa chỉ: Thôn X, xã NT, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Ngọc L – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1964 – Chức vụ: Trưởng ban pháp chế và ông Lê Thanh V, sinh năm 1989 – Chức vụ: Phó giám đốc; Cùng địa chỉ: Thôn X, xã NT, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (ông S có mặt, ông V vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện P, tỉnh Đăk Lăk (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu làm việc tiếp theo và lời khai tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:**
Ngày 01/7/2015 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến dăm gỗ Đ (gọi tắt là

Công ty) và ông Phan Văn H có ký kết hợp đồng mua bán số 10/ĐTNT/2015. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông H đồng ý bán cho Công ty 3.000 tấn Gỗ keo tròn tràm, đơn giá 1.120.000 đồng/tấn, thành tiền là 3.360.000.000 đồng (*Ba tỷ, ba trăm sáu mươi triệu đồng*). Công ty cho ông H ứng tiền, sau đó ông H đi thu mua nguyên liệu là cây keo lai (nguyên liệu làm giấy) về bán lại cho Công ty. Sau khi ký kết hợp đồng ngày 06/7/2015 ông H đã ứng của Công ty số tiền 1.600.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*), ông H có Cầm cố 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 1006/XMCD nhãn hiệu KOMATSU D60P, Biển số xe 47XA – 04xx, đăng ký ngày 31/3/2009 mang tên Lê Văn Đ và 01 Giấy nhượng, bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng ngày 29/10/2010 giữa ông Lê Văn Đ và ông Phan Văn H. Ngày 05/9/2015 các bên ký kết phụ lục hợp đồng số 01-2015/PLHĐMB về việc điều chỉnh giá mua từ ngày 05/9/2015 là 1.150.000 đồng/tấn.

Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán ngày 31/12/2016, ngày 30/6/2017 và ngày 31/12/2018, Công ty và ông H đã làm biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận ông H còn nợ Công ty số tiền 1.328.276.110 đồng (*Một tỷ, ba trăm hai tám triệu, hai trăm bảy sáu ngàn, một trăm mười đồng*). Công ty làm tròn số 1.328.000.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm hai tám triệu đồng*). Sau khi, xác nhận nợ ông H không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, không giao hàng cho Công ty và cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền trên mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Theo đơn khởi kiện, Công ty yêu cầu ông Phan Văn H phải trả Công ty 1.328.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm số tiền là 584.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.912.000.000 đồng (*Một tỷ, chín trăm mười hai triệu đồng*). Nay Công ty xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông H phải trả tiền lãi. Công ty chỉ khởi kiện yêu cầu ông H phải trả cho Công ty số tiền 1.328.000.000 đồng tiền nợ gốc. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Sau khi ông H trả xong nợ cho Công ty thì Công ty sẽ trả lại cho ông H 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 1006/XMCD nhãn hiệu KOMATSU D60P, Biển số xe 47XA – 04xx, đăng ký ngày 31/3/2009 mang tên Lê Văn Đ và 01 Giấy nhượng, bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng ngày 29/10/2010 giữa ông Lê Văn Đ và ông Phan Văn H. Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý trả cho ông H các giấy tờ trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông H cho rằng giữa ông H và ông Thái Hòa L có sự thỏa thuận với nhau, ông L thuê ông H đứng ra ký kết hợp đồng còn thực chất ông L là người nhận tiền. Ý kiến của Công ty như sau: Ông Thái Hòa L trước đây là Phó giám đốc của Công ty TNHH chế biến dăm gỗ Đ đến đầu năm 2019 thì ông L tự ý nghỉ việc, hiện nay ông L làm gì, ở đâu Công ty

không rõ. Còn việc giữa ông H và ông L thỏa thuận với nhau như thế nào thì Công ty hoàn toàn không biết. Công ty chỉ ký kết hợp đồng mua bán với ông H và ông H là người trực tiếp ứng tiền và bán gỗ Keo cho Công ty.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn H trình bày: Ngày 01/7/2015 giữa Công ty TNHH chế biến dăm gỗ Đ (gọi tắt là Công ty) và ông H có ký kết hợp đồng mua bán số 10/ĐTNT/2015. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông H đồng ý bán cho Công ty 3.000 tấn Gỗ keo tròn tràm, đơn giá 1.120.000 đồng/tấn, thành tiền là 3.360.000.000 đồng. Công ty cho ông H ứng tiền, sau đó ông H đi thu mua nguyên liệu là cây keo lai (nguyên liệu làm giấy) về bán lại cho Công ty. Sau khi ký kết hợp đồng ngày 06/7/2015 ông H đã ứng của Công ty số tiền 1.600.000.000 đồng (*Một tỷ, sáu trăm triệu đồng*) và ông H có cầm cố 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 1006/XMCD nhãn hiệu KOMATSU D60P, Biển số xe 47XA – 04xx, đăng ký ngày 31/3/2009 mang tên Lê Văn Đ và 01 Giấy nhượng, bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng ngày 29/10/2010 giữa ông Lê Văn Đ và ông Phan Văn H. Ngày 05/9/2015 các bên ký kết phụ lục hợp đồng số 01-2015/PLHĐMB về việc điều chỉnh giá mua từ ngày 05/9/2015 là 1.150.000 đồng/tấn.

Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán ngày 31/12/2016, ngày 30/6/2017 và ngày 31/12/2018, Công ty và ông H đã làm biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận ông H còn nợ Công ty số tiền 1.328.276.110 đồng (*Một tỷ, ba trăm hai tám triệu, hai trăm bảy sáu ngàn, một trăm mười đồng*). Tuy nhiên, bản chất vụ việc ông H chỉ là người làm công cho ông Thái Hòa L, thời điểm này ông L làm phó giám đốc Công ty (Hiện nay ông L không còn làm việc ở Công ty, ông L ở đâu làm gì ông H hoàn toàn không biết). Ông H quen ông Thái Hòa L từ năm 2013. Năm 2015 ông L mua được một số Rừng keo ở Ninh Hòa và huyện M’Đrăk sau đó ông L thuê ông H xuống khai thác keo. Trong thời gian làm ông H có ứng số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và cầm cố 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 1006/XMCD nhãn hiệu KOMATSU D60P, Biển số xe 47XA – 04xx, đăng ký ngày 31/3/2009 mang tên Lê Văn Đ và 01 Giấy nhượng, bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng ngày 29/10/2010 giữa ông Lê Văn Đ và ông Phan Văn H. Như vậy, Ông L là người nhờ ông H đứng ra ký kết hợp đồng ngày 01/7/2015, ký giấy đề nghị tạm ứng ngày 06/7/2015, ký phiếu chi ngày 06/7/2015 và ký các chứng từ, biên bản đối chiếu công nợ với Công ty. Do đó, ông H không nhận tạm ứng số tiền 1.600.000.000 đồng (*Một tỷ, sáu trăm triệu đồng*). Số nợ trên ông H xác định ông L nợ chứ không phải ông H nợ. Giữa ông H và ông L không có thỏa thuận riêng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng miệng.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu ông H phải trả Công ty 1.328.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm từ 01/05/2018 số

tiền là 584.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.912.000.000 đồng (*Một tỷ, chín trăm mười hai triệu đồng*) thì ông H không đồng ý.

Ông H xác định hiện nay chỉ nợ Công ty 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) nên đồng ý trả số tiền này cho Công ty. Sau khi ông H trả xong số nợ trên yêu cầu Công ty trả lại cho ông H 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 1006/XMCD nhãn hiệu KOMATSU D60P, Biển số xe 47XA – 04xx, đăng ký ngày 31/3/2009 mang tên Lê Văn Đ và 01 Giấy nhượng, bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng ngày 29/10/2010 giữa ông Lê Văn Đ và ông Phan Văn H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DSST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến dăm gỗ Đ.

Buộc ông Phan Văn H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến dăm gỗ Đ 1.328.000.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến dăm gỗ Đ có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn H 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 1006/XMCD nhãn hiệu KOMATSU D60P, Biển số xe 47XA 04xx, đăng ký ngày 31/3/2009 mang tên Lê Văn Đ và 01 Giấy nhượng, bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng ngày 29/10/2010 giữa ông Lê Văn Đ và ông Phan Văn H.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến dăm gỗ Đ đối với số tiền lãi 584.000.000 đồng (*Năm trăm tám mươi bốn triệu đồng*).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Phan Văn H kháng cáo Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo thủ tục phúc thẩm, sửa bản án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện,

bị đơn ông Phan Văn H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã tuân thủ đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn H về việc không đồng ý trả số tiền còn nợ 1.328.000.000 đồng vì cho rằng không còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu và đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy. Ngày 01/7/2015 giữa Công ty TNHH chế biến dăm gỗ Đại Thắng Ninh Tây và ông Phan Văn H có ký kết hợp đồng mua bán số 10/ĐTNT/2015. Nội dung hợp đồng thể hiện ông H thu mua và bán gỗ keo cho Công ty TNHH chế biến dăm gỗ Đ, Công ty cho ông H ứng tiền trước. Ngày 06/7/2015 ông H đã tạm ứng của Công ty số tiền 1.600.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*) theo phiếu chi số 54/7 ngày 06/7/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán gỗ ông H đã không thực hiện giao khối lượng gỗ theo như đã thỏa thuận khi ký hợp đồng cho công ty để khấu trừ khoản tiền đã ứng. Đến ngày 31/12/2016, ngày 30/6/2017 và ngày 31/12/2018, người đại diện của Công ty và ông H đã ký biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận ông H còn nợ Công ty số tiền 1.328.276.110 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng mua bán cũng như trả tiền nên Công ty khởi kiện buộc ông Phan Văn H phải trả số tiền đã làm tròn là 1.328.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, ông H cũng thừa nhận Hợp đồng mua bán, phiếu chi và các biên bản đối chiếu công nợ đều do ông Hải ký như nguyên đơn trình bày và cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Tuy nhiên, ông H cho rằng ông được ông Thái Hòa L (trước đây là Phó giám đốc công ty) nhờ đứng tên ký kết, còn thực chất số tiền ứng trên là do ông L nhận, ông H không được sử dụng số tiền trên, nên không đồng ý trả nhưng ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nội dung trình bày của mình là có căn cứ. Mặt khác, theo giấy đề nghị tạm ứng tiền ngày 06/7/2015 thì ông H là người ký

đơn đề nghị tạm ứng và giấy nhận tiền của Công ty chế biến dăm gỗ Đ nên ông H trình bày ký nhận nợ thay ông L là không phù hợp.

Bị đơn cho rằng từ ngày 03/7/2015 đến 23/01/2016 đã giao nguyên liệu cho nguyên đơn được 577 xe, với khối lượng 3.969 tấn, trị giá là 4.492.000.000 đồng, nếu khấu trừ khoản tiền đã ứng của công ty thì bị đơn còn dư tiền chưa được thanh toán. Tuy nhiên, đối với khối lượng gỗ này nguyên đơn cho rằng không phải là giao nhận gỗ theo hợp đồng mua bán ngày 01/7/2015, các tài liệu ông H cung cấp chỉ là bản phô tô, không có xác nhận của công ty và các bản kê do ông H cung cấp là ngày 02/02/2016, trước ngày chốt công nợ lần đầu. Đến ngày 31/12/2016 sau khi hai bên đã làm việc và thống nhất thì hai bên mới ký biên bản chốt công nợ và ký văn bản thỏa thuận nhận nợ tổng số tiền 1.328.276.110 đồng. Tiếp đó, đến ngày 30/6/2017 và ngày 31/12/2018 ông H đều ký giấy nhận nợ. Đối với 02 bản kê ông H cung cấp theo đơn trình bày ngày 28/6/2023 được lập ngày 31/5/2015 và 18/6/2015, trước khi ký hợp đồng nên không có cơ sở xem xét. Như vậy, nội dung ông H trình bày quan điểm không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn là không có cơ sở.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn H mà cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DSST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên ông Phan Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS - ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[2]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn chế biến dăm gỗ Đ.

Buộc ông Phan Văn H phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến dăm gỗ Đ 1.328.000.000 đồng (*Một tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn chế biến dăm gỗ Đ có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn H 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 1006/XMCD nhãn hiệu KOMATSU D60P, Biển số xe 47XA 04xx, đăng ký ngày 31/3/2009 mang tên Lê Văn Đ và 01 Giấy nhượng, bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng ngày 29/10/2010 giữa ông Lê Văn Đ và ông Phan Văn H.

[3]. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến dăm gỗ Đ đối với số tiền lãi 584.000.000 đồng (*Năm trăm tám mươi bốn triệu đồng*).

[4]. Về án phí:

[4.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn H phải chịu 51.840.000 đồng (*Năm mươi một triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến dăm gỗ Đ 34.680.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0016642 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

[4.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0016969 ngày 17/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
-;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung